

92/2026 VIET NAM - SOUTH CENTRAL COAST - DA NANG -Depths.

Source: Da Nang Maritime Port Authority, Notice No. 598/2026/TBHH-CVHHĐN

Chart - VN50021 [previous update 41/2026]

Insert	depth, ¹⁰ ₂	16°06.99'N 108°12.73'E
Replace	depth, ¹⁰ ₃ , with depth, ¹⁰ ₄	16°07.18'N 108°12.75'E
	depth, ⁹ ₈ , with depth, ⁹ ₉	16°07.11'N 108°12.78'E
	depth, ⁷ ₃ , with depth, ⁷ ₄	16°06.86'N 108°13.04'E
	depth, ⁸ ₂ , with depth, ⁷ ₆	16°06.86'N 108°13.58'E
	depth, ⁶ ₉ , with depth, ⁶ ₈	16°06.87'N 108°13.68'E
	depth, ⁶ ₃ , with depth, ⁶ ₂	16°06.83'N 108°13.73'E
	depth, ⁵ , with depth, ⁴ ₈	16°06.65'N 108°14.13'E
	depth, ⁴ ₃ , with depth, ⁴ ₂	16°06.62'N 108°14.23'E
Delete	depth, ⁷ ₂	16°06.84'N 108°13.62'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

92/2026 VIỆT NAM - BỜ BIỂN NAM TRUNG BỘ - ĐÀ NẴNG - Độ sâu.

Nguồn: Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng, Thông báo số 598/2026/TBHH-CVHHĐN

Hải đồ - VN50021 [cập nhật trước 41/2026]

Chèn	độ sâu, ¹⁰ ₂	16°06.99'N 108°12.73'E
Thay	độ sâu, ¹⁰ ₃ , bằng độ sâu, ¹⁰ ₄	16°07.18'N 108°12.75'E
	độ sâu, ⁹ ₈ , bằng độ sâu, ⁹ ₉	16°07.11'N 108°12.78'E
	độ sâu, ⁷ ₃ , bằng độ sâu, ⁷ ₄	16°06.86'N 108°13.04'E
	độ sâu, ⁸ ₂ , bằng độ sâu, ⁷ ₆	16°06.86'N 108°13.58'E
	độ sâu, ⁶ ₉ , bằng độ sâu, ⁶ ₈	16°06.87'N 108°13.68'E
	độ sâu, ⁶ ₃ , bằng độ sâu, ⁶ ₂	16°06.83'N 108°13.73'E
	độ sâu, ⁵ , bằng độ sâu, ⁴ ₈	16°06.65'N 108°14.13'E
	độ sâu, ⁴ ₃ , bằng độ sâu, ⁴ ₂	16°06.62'N 108°14.23'E
Xóa	độ sâu, ⁷ ₂	16°06.84'N 108°13.62'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)